TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2026/HS-ST
Ngày: 23/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Huỳnh Thị Khả Tú

Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 274/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2026/HSST-QĐ ngày 26/5/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H - sinh năm: 1991 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số 079191031977; Giới tính: Nữ; Thường trú: 1172/15 Phạm Thế H1, Khu phố H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Hữu T và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có chồng và 06 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 07/3/2018, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản" theo Bản án số 18/2018/HS-ST, chấp hành xong ngày 17/12/2023; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/8/2011, Công an phường P, quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 10/7/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "trộm cắp tài sản" theo Bản án số 471/2014/HSPT; Ngày 27/6/2017, Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 04/02/2026, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử 09 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản" theo Bản án số 39/2026/HS-PT; Bị cáo bị bắt ngày 04/01/2026, bị tạm giam tại Trại tạm giam Số B - Công an Thành phố H; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Bà Võ Thị H2, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: F, Ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 10 phút ngày 04/01/2026, Nguyễn Thị Thu H đi đến sạp bán quần áo trước cổng nhà thờ N địa chỉ 50/10 ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ là bà Trần Thị Thùy T1) thì phát hiện bà Võ Thị H2 (sinh năm 1965) đang đứng lựa chọn quần áo. Lợi dụng sơ hở của bà Võ Thị H2, Nguyễn Thị Thu H lén lút dùng tay trái đưa vào túi áo khoác bên phải của bà Võ Thị H2 và lấy trộm một xấp tiền tổng cộng là 2.558.000 đồng. Cùng lúc này, bà T1 phát hiện lao ra nắm cổ áo của Nguyễn Thị Thu H giữ lại và tri hô. Nguyễn Thị Thu H liền ném số tiền đã lấy trộm được xuống mặt đường thì bị người dân xung quanh giữ lại và báo cho lực lượng Công an đến xử lý vụ việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 áo khoác tay dài màu hồng; 01 quần dài màu hồng; 01 nón kết màu đen;

- Số tiền 2.558.000 đồng (đã trả lại cho bà Võ Thị H2)

Về dân sự: Bị hại Võ Thị H2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Cáo trạng số 350/CT-VKSKV8 ngày 08/4/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với người bị hại và đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu hồng; 01 quần dài màu hồng; 01 nón kết màu đen.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng

không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 10 phút ngày 04/01/2026, Nguyễn Thị Thu H đi đến sạp bán quần áo trước cổng nhà thờ N địa chỉ 50/10 ấp F, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ là bà Trần Thị Thùy T1) thì phát hiện bà Võ Thị H2 đang đứng lựa quần áo. Lợi dụng sơ hở của bà H2, Thu H lén lút dùng tay trái đưa vào túi áo khoác bên phải của bà H và lấy trộm một xấp tiền tổng cộng là 2.558.000 đồng thì bị bắt quả tang. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, bị cáo không có việc làm ổn định và có 06 con, trong đó có 03 con dưới 15 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Ngoài ra, bị cáo đang phải chấp hành Bản án số 39/2026/HS-PT ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (xử phạt bị cáo 9 tháng tù, khấu trừ thời gian 09 tháng chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng tù). Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt chung sau khi được tổng hợp hình phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 áo khoác màu hồng, 01 quần dài màu hồng, 01 nón kết màu đen: Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[8.2] Đối với số tiền 2.558.000 đồng, đã trả lại cho bà Võ Thị H2 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nữa.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp với hình phạt theo Bản án số 39/2026/HS-PT ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (xử phạt 09 tháng tù, khấu trừ thời gian 09 tháng chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng tù), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù, khấu trừ thời gian 09 tháng chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2026.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo khoác màu hồng, 01 quần dài màu hồng, 01 nón kết màu đen.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND KV8-TP.HCM;
- PV06 - Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV8 – TP.HCM;
-Trại tạm giam Số 2 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

Đỗ Thị Phương Nam

TAND KHU VỰC 8
GZK230326.TL.QDBA
3099